UBND TỈNH THANH HOÁ **SỞ XÂY DỰNG** Số: 2622 /SXD-HT V/v công bố giới hạn đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến phố chính tại TP Thanh Hóa.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thanh Hoá, ngày 29 tháng 5 năm 2015*

Kính gửi:

- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa;
- Các đơn vị có liên quan.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 3700/UBND-CN ngày 23/4/2015 về việc giới hạn đường đỏ và chỉ giới xây dựng các tuyến phố chính tại thành phố Thanh Hóa.

Sở Xây dựng công bố giới hạn đường đỏ và chỉ giới xây dựng các tuyến phố chính tại thành phố Thanh Hóa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện quản lý, đầu tư xây dựng đúng theo quy định đã được UBND tỉnh xem xét, thống nhất *(có bảng thống kê các tuyến phố kèm theo)*.

Thông tin chi tiết được đăng tải trên Websites của Sở Xây dựng Thanh Hóa (*www.sxdthanhhoa.gov.vn*)./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Sở (để p/h);
- Lưu VT,HT,NH,5b.

KT. GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH THANH HÓA

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Huân

Ký bởi: Sở Xây dựng
Email: sxd@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 29.05.2015

VGCA Xác thực & Bảo mật

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH TẠI THÀNH PHỐ THANH HÓA

(Kèm theo Văn bản số 2622/SXD-HT ngày 29/5/2015)

TT	TÊN ĐƯỜNG	GIỚI HẠN DỌC		GIỚI HẠN NGANG (M)		QUY ĐỊNH
		ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	CGXD	CGĐĐ	(THUỘC MB QUY HOẠCH)
1	**Đai lộ Lê Lợi** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Đường Nguyễn Trãi - Dương Đình Nghệ - Đại lộ Bắc Nam	Sông Mã - Đại lộ Bắc Nam - Sông Mã	48,0 91,0	42,0 91,0	- QHC; QH 1/2000 KTT thành phố; QH 1/2000 Đông Hương - QH 1/2000 Khu ĐT mới Trung tâm Thành phố
2	**Nguyễn Chí Thanh**	Đường Bà Triệu	Cầu Hoàng Long	47,0	44,0	- QH 1/2000 Bắc cầu Hạc
3	**Bà Triệu** + Đoạn 1 + Đoạn 2 + Đoạn 3 (trừ đoạn QH Đền Thờ Bà mẹ VN) + Đoạn 4 (1/500 QH Đền Thờ Bà mẹ VN)	Đường Trường Thi - Trường Thi - Đường sắt - Ngã 3 Đình Hương	Cầu Hoàng Long - Đường sắt - Ngã 3 Đình Hương - Cầu Hoàng Long	36,0 42,0 33,0 31,5	36,0 36,0 33,0 25,5	- MB 100; QH 1/500 Xung quanh Nhà Thờ - QH 1/2000 Bắc cầu Hạc - QH 1/2000 Bắc cầu Hạc - QH 1/500 QH Đền Thờ Bà mẹ VN anh hùng
4	**Trần Phú**	Đường Trường Thi	Đường Lê Hoàn	36,0	36,0	- QH 1/2000 KTT thành phố; QH 1/2000 Nam TT thành phố + VB điều chỉnh của UBND tỉnh
5	**Quang Trung** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Đường Lê Hoàn - Lê Hoàn - Ngã 3 Voi	Cầu Quán Nam - Ngã 3 Voi - Cầu Quán Nam	36,0 44,0	36,0 36,0	- QH 1/2000 Nam TT thành phố +VB điều chỉnh của UBND tỉnh; Quy hoạch 1/2000 Đông Vệ - QH 1/2000 KĐTM Nam thành phố *(bỏ khoảng lùi đối với công trình xây dựng là nhà ở riêng lẻ chia lô liền kề)*
6	**Trần Hưng Đạo**	Cầu Sâng	Sông Mã	32,0	32,0	- QH 1/2000 Bắc cầu Hạc
7	**Đường Trường Thi**	Bà Triệu	Cầu Sâng	38,0	32,0	- QHC, QH 1/500 Xung quanh Nhà Thờ
8	**Phan Chu Trinh**	Bà Triệu	Ga Thanh Hoá	44,0	34,0	- QHC, QH 1/500 Chỉnh trang phố Phan Chu Trinh

9	**Đường Nguyễn Trãi** + Đoạn 1 + Đoạn 2	 Bến xe Nội tỉnh Bến xe Nội tỉnh	 Lê Hoàn Còn lại	 36,0 30,0	 33,0 24,0	- QH 1/2000 Nam TT; VB số 1321/UB-CN ngày 22/4/2003 của UBND tỉnh - QH 1/2000 Tây Ga
10	**Tống Duy Tân** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Quang Trung - Quang Trung - Lê Hoàn	Cầu Cốc - Lê Hoàn - Cầu Cốc	 20,5 30,0	 20,5 30,0	- VB số 1321/UB-CN ngày 22/4/2003 của UBND tỉnh
11	**Đường Lê Lai** + Đoạn 1 + Đoạn 2	 - Cầu Cốc - Đường Đông Sơn1	 - Đường Đông Sơn1 - Đại lộ Bắc Nam	 30,0 40,0	 30,0 34,0	- QH 1/2000 Đông Sơn
12	**Đường Cao Thắng**	Đường Nguyễn Du	Tống Duy Tân	18,5	18,5	- QHC
13	**Đinh Công Tráng**	Tống Duy Tân	Lê Hoàn	18,5	18,5	- QHC
14	**Đường Lê Hoàn** + Đoạn 1 + Đoạn 2	 - Ngã Ba Bia - Đại lộ Lê Lợi	 - Đại lộ Lê Lợi - Quang Trung	 28,0 22,0	 22,0 22,0	 - QHC - QHC
15	**Đường Triệu Quốc Đạt** + Đoạn 1(MB ĐC 1334) + Đoạn 2 + Đoạn 3	 -Dương Đình Nghệ - Hạc Thành - Hàng Đồng	 - Hạc Thành - Hàng Đồng - Lê Hoàn	 25,2 21,5 18,0	 22,2 15,5 16,0	 - MB ĐC 1334 - QHC, QH 1/2000 KTT thành phố, 1/500 Chỉnh trang phố Phan Chu Trinh
16	**Đường Nguyễn Du**	Lê Hoàn	Hàng Đồng	18,5	18,5	- QHC, QH 1/2000 Nam TT thành phố
17	**Đường Lý Thường Kiệt**	Quốc lộ 1A	Lê Hữu Lập	15,5	15,5	- QHC, QH 1/2000 Nam TT thành phố
18	**Đường Hàng Than**	Quốc lộ 1A	Lê Hữu Lập	15,0	15,0	- QHC, QH 1/2000 Nam TT thành phố
19	**Đường Cửa Tả**	Quốc lộ 1A	Lê Hồng Phong	19,5	15,5	- QHC, QH 1/2000 Nam TT thành phố
20	**Đường Hàng Đồng**	Triệu Quốc Đạt	ĐL Lê Lợi	24,0	18,0	- QH 1/500 Hồ THành KV 4
21	**Đường Minh Khai**	Hàn Thuyên	ĐL Lê Lợi	21,5	14,5	- QHC
22	**Đường Hà Văn Mao**	Nguyễn Trãi	Hàn Thuyên	21,5	14,5	- QHC
23	**Đường Hàn Thuyên**	Đào Duy Từ	Phan Bội Châu	23,0	17,0	- QHC
24	**Lê Quý Đôn**	Lê Hoàn	Phan Bội Châu	26,5	22,5	- QHC
25	**Lê Hữu lập**	Tống Duy Tân	Đl Lê Lợi	32,0	26,0	- QHC
26	**Đường Đào Duy Từ** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Tống Duy Tân - Tống Duy Tân - Lê Phụng Hiểu	Nguyễn Huy Tự - Lê Phụng Hiểu - Nguyễn Huy Tự	 19,5 18,5	 15,5 18,5	 - QH 1/2000 Nam TT thành phố - QH 1/500 Khu Nhà Hát Nhân Dân

27	**Đường Đội Cung**	Quốc lộ 1A	Kênh Vinh	24,0	18,0	- QHC, QH 1/2000 Nam cầu Hạc
28	**Dương Đình Nghệ**	Quốc lộ 1A	Nguyễn Trãi	32,0	26,0	- 1/500 Hồ Thành KV1 và đường Dương Đình Nghệ; 1/500 Khu đô thị Đông Bắc Ga
29	**Đường Lý Nhân Tông**	Phan Chu Trinh	Dương Đình Nghệ kéo dài	18,0	18,0	- 1/500 đường Lý Nhân Tông
30	**Đường Hạc Thành**	Phan Chu Trinh	Nguyễn Trãi	28,5	22,5	- QHC; 1/500 Công trình Hạc Thành Tower
31	**Đường Phan Bội Châu** + Đoạn 1 + Đoạn 2 + Đoạn 3	Nguyễn Trãi - Nguyễn Trãi - Cọc 13 - Cọc 4 - Cọc 13	Đường vành đai - Cọc 4 - Cọc 19 - Cọc 13 - Đường vành đai Đông Tây	 28,5 28,5 31,5 28,5	 28,5 28,5 28,5 22,5	 - Hồ Sơ Thiết kế kỹ thuật đường Phan Bội Châu - QHC
32	**Đại lộ Bắc Nam** + Đoạn 1 + Đoạn 2 + Đoạn 3 + Đoạn 4	 -Nguyễn Chí Thanh -Đại lộ Lê Lợi -Dã Tượng -Đông Sơn 6	 - Đại lộ Lê Lợi - Quốc lộ 47 - Đông Sơn 6 - QL 1 A	 Cụ thể từng công trình *(Cụ thể CT)* Cụ thể CT Cụ thể CT Cụ thể CT	 76,0 79,0 76,0 76,0	 - QH 1/2000 Bắc cầu Hạc - QH 1/2000 Đông Hương - QH 1/2000 Đông Sơn - QH 1/2000 KĐTM Nam thành phố
33	**Đại lộ Nam Sông Mã** + Đoạn 1 + Đoạn 2	 -Nguyễn Chí Thanh -Kênh Vinh	 -Kênh Vinh -Đg.Vành đai số 3	 50,0 67,0	 47,0 67,0	 - QH 1/2000 Bắc cầu Hạc - QH 1/2000 Khu ĐT mới Trung tâm Thành phố; 1/2000 Quảng Hưng
34	**Đường Ngã Ba Voi đi Sầm Sơn**	Quang Trung	Đại lộ Bắc Nam	Cụ thể CT	50,0 *(điển hình)*	- QH 1/2000 KĐTM Nam thành phố
35	**Đường Đông Hương 1**	Đông Hương 5	Đại lộ Bắc Nam	Cụ thể CT	42,0	- QH 1/2000 Đông Hương
36	**Đường Đông Hương 2** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Lê Lai - Lê Lai - Đại lộ Lê Lợi	Đông Hương 3 - Đại lộ Lê Lợi - Đông Hương 3	 Cụ thể CT Cụ thể CT	 36,0 22,5	 - QH 1/2000 Đông Hương - QH 1/2000 Đông Hương; QH 1/500 Bắc ĐL Lê Lợi
37	**Đường vành đai Đông Tây**	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Trãi	39,0	39,0	- QH 1/500 Đường vành đai Đông Tây

38	**Đường vành đai thuộc HP 1 – DA PTTD KTXH TP Thanh Hóa** + Đoạn 1 + Đoạn 2	Đường QL 47 (đoạn lý trình Km12+887.10 xã Quảng Hưng, TPTH) - Quang Trung (QL 1A) - Đông Sơn 7 - Quang Trung (QL 1A)	Đường QL 47 lý trình Km16+928.80 (Đường Nguyễn Trãi, phường Tân Sơn, TPTH) - Đường QL 47 lý trình Km16+928.80 (Đường Nguyễn Trãi, phường Tân Sơn, TPTH) - Quốc Lộ 47 (Lê Lai) - Đông Sơn 7	Cụ thể CT Cụ thể CT Cụ thể CT	34,0 34,0 60,5	Hồ sơ thiết kế bản vẽ chi tiết: Tuyến đường vành đai hợp phần 1- Phát triển đường đô thị thuộc Dự án Phát triển toàn diện kinh tế-xã hội thành phố Thanh Hóa

Ghi chú:

- Chỉ giới xây dựng các đường phố ghi trong bảng là khoảng cách tối thiểu từ đường đỏ đến chân công trình bắt buộc phải tuân theo. Tuỳ theo qui mô, tính chất, chức năng sử dụng yêu cầu tổ chức không gian, chỉ giới xây dựng các công trình được xác định theo dự án đầu tư và qui hoạch mặt bằng được cấp có thẩm quuyền phê duyệt.

- Giới hạn đường đỏ là ranh giới giữa phần đất xây dựng công trình và phần đất dành cho đường giao thông. Các công trình xây dựng theo chỉ giới được phép xây dựng hàng rào trùng với giới hạn đường đỏ nếu xét thấy cần thiết.

Căn cứ:

- Điều lệ quản lí xây dựng theo qui hoạch chung thành phố Thanh Hoá đến năm 2020 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1619/1999/QĐ-UB ngày 21 tháng 8 năm 1999 (trên đây viết tắt là QHC);

- QH 1/2000 khu trung tâm thành phố được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1438/QĐ-CT ngày 10/5/2002(trên đây viết tắt là QH 1/2000 KTT thành phố);

- QH 1/2000 khu đô thị Đông Hương được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2691/QĐ-CT ngày 28/2/2002, đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Đông Hương);

- QH 1/2000 Khu ĐT mới Trung tâm Thành phố Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Khu ĐT mới Trung tâm Thành phố);

- QH 1/2000 Bắc cầu Hạc được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 12/2/2009 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Bắc cầu Hạc);

- QH 1/2000 Nam trung tâm thành phố Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1460/QĐ-CT ngày 13/5/2002 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Nam TT thành phố);

- QH 1/2000 Khu đô thị mới Nam thành phố được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/2/2006 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 KĐTM Nam thành phố) nay đã được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 26/8/2014;

- QH 1/2000 Khu đô thị mới Tây Ga được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2791/QĐ-CT ngày 30/8/2002 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Tây Ga);

- QH 1/2000 Nam cầu Hạc được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 56/XD-UBTH ngày 25/7/1995 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Nam cầu Hạc);

- QH 1/2000 Khu phường Đông Sơn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2648/QĐ-CT ngày 19/8/2002 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Đông Sơn);

- QH 1/2000 Khu đô thị Đông Vệ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Đông Vệ);

- QH 1/2000 xã Quảng Hưng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 (trên đây viết tắt là QH 1/2000 Quảng Hưng).